TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/DS-PT
Ngày: 31-10-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân
Ông Nguyễn Văn Thư

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Duyến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24/10 và ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 250/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc:"*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2021/QĐXX-PT ngày 22/02/2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, đường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh– Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ph – Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh T.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thu Th – Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh T. Địa chỉ: số 1200 Lạc Long Quân, phường 8, quận T, Tp Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Đinh Thị Bích H – Luật sư Văn phòng luật sư Sài gòn trẻ thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 104-106 Ngô Quyền, phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị đơn:

1/ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981, địa chỉ: Khu phố 9, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước;

2/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975, địa chỉ: Khu phố 6, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước;

3/ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960; Hộ khẩu thường trú: Khu phố 5, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Địa chỉ hiện nay: Thôn Sơn Hà 1, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn:

Ông Đào Xuân S – Luật sư Công ty Luật TNHH JUSTIVA LAW thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 11 Bis Phan Ngữ (tầng 3), phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1975, địa chỉ: Khu phố 6, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Thu H: Ông Dương Quốc Tuấn T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn 7, xã Ea Ktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đăk Lăk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Thu H:

Ông Trần Nam H – Luật sư Công ty Luật TNHH JUSTIVA LAW thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 11 Bis Phan Ngữ (tầng 3), phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Tiến A , sinh năm 1978, địa chỉ: Khu phố 9, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

****Người kháng cáo***: Bị đơn bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981, bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960, ông Nguyễn Thanh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu H, ông Nguyễn Tiến A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Người đại diện nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - bà Nguyễn Thu Th trình bày:***

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh B (nay là Chi nhánh T) (sau đây gọi là Agribank) có ký kết hợp đồng tín dụng đối với các bị đơn cụ thể như sau:

1/ Ngày 20/04/2012 Agribank ký kết Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201200331/HĐTD cho bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981 (sau đây gọi là Hằng 1981) vay số tiền là: 2.020.000.000 đồng; Lãi suất cho vay: 18%/năm; Mục đích sử dụng tiền vay: Mua đất tại xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; Thời hạn cho vay: 60 tháng. Sau khi ký hợp đồng tín dụng này, Agribank Chi nhánh B đã giải ngân cho bà H 1981 số tiền 1.238.706.000 đồng theo Giấy nhận nợ lần 1 ngày 17/05/2012 và Giấy lĩnh tiền vay ngày 17/05/2012 do bà Hoàng Thị H 1981 ký nhận.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, hai bên đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1901-LCP-201200366 ngày 20/04/2012. Tài sản bảo đảm cho các khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và các chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có) của Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201200331/HĐTD ngày 20/04/2012 là quyền sử dụng đất diện tích đất 1186,5m^2 tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số: 276, tờ bản đồ số: 65 Bộ địa chính xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BL 572487, số vào sổ cấp GCN: CH05709 ngày 18/10/2012 do Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Hoàng Thị H 1981.

2/ Ngày 05/05/2012 Agribank ký kết Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201200346/HĐTD cho bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960 (sau đây gọi là Hằng 1960) vay số tiền là: 1.770.000.000 đồng; Lãi suất cho vay: 18%/năm; Mục đích sử dụng tiền vay: Mua đất tại xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; Thời hạn cho vay: 60 tháng. Sau khi ký hợp đồng tín dụng này, Agribank Chi nhánh B đã giải ngân cho bà Hoàng Thị H 1960 số tiền 966.038.000 đồngtheo Giấy nhận nợ lần 1 ngày 12/05/2012 và Giấy lĩnh tiền vayngày 12/05/2012 do bà Hoàng Thị H 1960 ký nhận.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, hai bên đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1901-LCP-201200384 ngày 05/05/2012. Tài sản bảo đảm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và các chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có) của Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201200346/HĐTD ngày 05/05/2012 là Quyền sử dụng diện tích đất 1.123,3m^2 tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số: 847, tờ bản đồ số: 65 Bộ địa chính xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BL 572457, số vào sổ cấp GCN: CH05718 ngày 18/10/2012 do Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Hoàng Thị H 1960.

3/Ngày 05/05/2012 Agribank ký kết Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201200359/HĐTD cho ông Nguyễn Thanh H vay số tiền là: 1.577.000.000 đồng; Lãi suất cho vay: 18%/năm; Mục đích sử dụng tiền vay: Mua đất tại xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; Thời hạn cho vay: 60 tháng. Sau khi ký hợp đồng tín dụng nêu trên, Agribank Chi nhánh B đã giải ngân cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 861.032.000 đồng theo Giấy nhận nợ lần 1 ngày 12/05/2012 và Giấy lĩnh tiền vay ngày 12/05/2012 do ông Nguyễn Thanh H ký nhận.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, hai bên đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 1901-LCP-201200400 ngày 05/05/2012. Tài sản bảo đảm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và các chi phí phát sinh khác liên quan (nếu có) của Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201200359/HĐTD ngày 05/05/2012 là Quyền sử dụng diện tích đất 1.001,2m^2 tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số: 841, tờ bản đồ số: 65 Bộ địa chính

xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BL 572459, số vào sổ cấp GCN: CH05715 ngày 18/10/2012 do Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Thanh H.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và tiền lãi đối với Agribank. Đã nhiều lần Agribank làm việc với bên vay để yêu cầu thanh toán số tiền gốc, lãi nhưng bên vay không thực hiện.

Agribank khởi kiện yêu cầu:

1/ Buộc bà Hoàng Thị H 1981 và ông Nguyễn Tiến A phải thanh toán cho Agribank số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201200333/HĐTD ngày 20/04/2012. Tổng gốc, lãi, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 10-9-2020 là: 3.728.585.980 đồng.

2/ Buộc bà Hoàng Thị H 1960 phải thanh toán cho Agribank số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh của nợ Hợp đồng tín dụng số 201200346/HĐTD ngày 05/05/2012. Tổng gốc, lãi, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 10-9-2020 là: 2.899.435.227 đồng.

3/Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Võ Thị Thu H phải thanh toán cho Agribank số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/9/2020 theo Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201200359/HĐTD ngày 05/05/2012. Tổng gốc, lãi, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 10-9-2020 là: 2.587.126.562 đồng

Ngoài ra, Agribank còn yêu cầu bên vay tiếp tục phải trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày 11/9/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Agribank theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bên vay không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng thì: Agribank được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bán tài sản thế chấp để thu nợ cho Agribank theo quy định của pháp luật. Nếu việc bán tài sản thế chấp không đủ để trả nợ và lãi phát sinh cho Agribank thì bên vay phải tiếp tục có trách nhiệm trả nợ cho Agribank cho đến khi trả nợ xong.

****Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Các bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, bà Hoàng Thị H 1960, bà Hoàng Thị H 1981 và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Thu H, ông Nguyễn Tiến A cùng thống nhất trình bày như sau: Tại phiên tòa hôm nay, các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hiểu yêu cầu khởi kiện của Agribank và không đồng ý với yêu cầu của Agribank. Vì các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có nhận tiền vay từ Agribank và Agribank cũng không báo nợ lãi hàng tháng cho bên vay. Bên vay không ký bảng kê tiền khi nhận tiền, đề nghị Agribank cung cấp bảng kê tiền cho Tòa án để làm rõ.

Tại Bảnán dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

1. Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc và lãi suất vay tính đến ngày 10-9-2020 cụ thể như sau:

- Bà Hoàng Thị H (sinh năm 1981) và ông Nguyễn Tiến A cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền là: 3.728.585.980 đồng gồm: Nợ gốc 1.238.706.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 1.880.355.708 đồng; Nợ lãi quá hạn 609.524.272 đồng;
- Ông Nguyễn Thanh H và bà Võ Thị Thu H cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền là: 2.587.126.562 đồng gồm: Nợ gốc 861.032.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 1.310.490.704 Nợ lãi quá hạn 415.603.858 đồng;
- Bà Hoàng Thị H (sinh năm 1960) có nghĩa vụ trả số tiền là: 2.899.435.227 đồng gồm: Nợ gốc 966.038.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 1.469.826.817 đồng Nợ lãi quá hạn 463.570.410 đồng;

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T có nghĩa vụ trả lại tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên thế chấp khi người có nghĩa vụ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có nghĩa vụ trả nợ không thanh toán xong nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với các tài sản thế chấp gồm:

1/Quyền sử dụng đất diện tích đất 1186,5m^2 tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số: 276, tờ bản đồ số: 65 Bộ địa chính xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BL 572487, số vào sổ cấp GCN: CH05709 ngày 18/10/2012 cho bà Hoàng Thị H (sinh năm 1981). Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1901-LCP-201200366 ngày 20/04/2012.

2/ Quyền sử dụng diện tích đất 1.123,3m^2 tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số: 847, tờ bản đồ số: 65 Bộ địa chính xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BL 572457, số vào sổ cấp GCN: CH05718 ngày 18/10/2012 cho bà Hoàng Thị H (sinh năm 1960). Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1901-LCP-201200384 ngày 05/05/2012.

3/ Quyền sử dụng diện tích đất 1.001,2m^2 tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số: 841, tờ bản đồ số: 65 Bộ địa chính xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Do Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BL 572459, số vào sổ cấp GCN: CH05715 ngày 18/10/2012 cho ông Nguyễn Thanh H. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 1901-LCP-201200400 ngày 05/05/2012.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2020 các bị đơn bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960, ông Nguyễn Thanh H, bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu H, ông Nguyễn Tiến A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị HĐXX hủy bản án dân sự sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Với các lý do: Tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn có nêu ý kiến có một số văn bản không phải chữ ký của bị đơn, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung này; Trong quá trình giải quyết vụ án đều có liên quan đến ông Phan Bá Hiệp nhưng Tòa án sơ thẩm không đưa ông Phan Bá Hiệp vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót; Tòa án cấp sơ thẩm không xác định tài sản chung, tài sản riêng nợ chung nợ riêng của bị đơn trong thời kì hôn nhân mà tuyên buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới trả cho Ngân hàng là không có căn cứ; Đồng thời cũng chưa xác minh làm rõ nội dung địa chỉ thường trú của các bị đơn và địa chỉ trên hồ sơ tín dụng đối với địa chỉ 4/13 Văn Chung, phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn bà Hoàng Thị H 1960, ông Nguyễn Thanh H và bà Hoàng Thị H 1981. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu H, ông Nguyễn Tiến A . Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu,chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng

cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của BLTTDS năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận các bị đơn và nguyên đơn có ký các Hợp đồng tín dụng số 1901-LAV-201200331/HĐTD ngày 20/04/2012; số 1901-LAV-201200346/HĐTD ngày 05/05/2012 và số 1901-LAV-201200359/HĐTD ngày 05/05/2012 và các Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1901-LCP-201200366 ngày 20/04/2012; số 1901-LCP-201200384 ngày 05/05/2012 và số 1901-LAV-201200359/HĐTD ngày 05/05/2012. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự các bên đã thừa nhận việc giao kết hợp đồng trên là có thật, nên không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, các bị đơn cho rằng bên vay không được nhận tiền vay của Ngân hàng Agribank Chi nhánh B theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

[2.2] Các bị đơn đều cho rằng không được nhận tiền vay của Ngân hàng Agribank Chi nhánh B theo Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên tại các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện Ngân hàngAgribank Chi nhánh B đã giải ngân cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 861.032.000 đồng theo Giấy nhận nợ lần 1 ngày 12/05/2012 (BL 50) và Giấy lĩnh tiền vay ngày 12/05/2012 (BL 47 và 108) do ông Nguyễn Thanh H ký nhận; Đã giải ngân cho bà Hoàng Thị H 1960 số tiền 966.038.000 đồng theo Giấy nhận nợ lần 1 ngày 12/05/2012 (BL 303) và Giấy lĩnh tiền vay ngày 12/05/2012 (BL 268) do bà Hoàng Thị H 1960 ký nhận và đã giải ngân cho bà H 1981 số tiền 1.238.706.000 đồng theo Giấy nhận nợ lần 1 ngày 17/05/2012 (BL 158) và Giấy lĩnh tiền vay ngày 17/05/2012 (BL 205) do bà Hoàng Thị H 1981 ký nhận. Việc bên vay đã tự viết các thông tin trong mẫu, rồi ký và ghi rõ họ tên của mình trong các giấy này là đúng. Như vậy, bên vay cho rằng mình chưa được Ngân hàng Agribank Chi nhánh B giao tiền vay là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mặt khác, bên vay cho rằng mình không ký vào Bảng kê tiền thể hiện mệnh giá tiền, số tờ tiền và tổng số tiền đã nhận. Nhưng phía nguyên đơn trình bày tại (BL số 409-410): Theo quy định tại Phụ lục đính kèm Thông tư số 43/2011/TT-NHNN tại mục 16 Hồ sơ tài liệu về phát hành và kho quỹ, thứ tự số 368 thì: "*Bảng kê mệnh giá tiền thu, chi; bảng kê xuất nhập seri tiền mới thời hạn bảo quản là 5 năm*". Về thời hạn lưu trữ các tài liệu theo quy định tính đến nay đã gần 8 năm, nên hiện không còn trong kho lưu trữ của Agribank Chi nhánh T. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cho rằng việc lập Bảng kê tiền với mục đích là để các bên đối chiếu việc giao nhận tiền với số lượng, loại mệnh giá tiền và tổng cộng số tiền thực nhận để bên nhận tiền khiếu nại nếu nhận tiền không đúng, không đủ. Thời hạn lưu trữ đối với loại chứng từ này là 05 năm theo quy định, do từ thời điểm nhận tiền năm 2012 đến nay không có khiếu nại của khách hàng, nên Agribank Chi nhánh T đã thực hiện tiêu hủy theo quy định.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai được ký kết giữa Ngân hàng và những người vay vốn. Xét thời điểm vay bà H, sinh năm 1960, bà H sinh năm 1981, ông H mới ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng Ngân hàng vẫn đồng ý cho thế chấp trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng là chưa đúng, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Tuy nhiên, sau khi các bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bị đơn tiếp tục ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngân hàng lưu giữ đến nay (về thủ tục thế chấp khi có giấy CNQSDĐ đã lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có công chứng,có xác nhận bảo đảm thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh). Xét thấy, mặc dù về thủ tục thế chấp bảo đảm cho tiền vay giữa Ngân hàng và những người vay vốn là chưa thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định, tuy nhiên qua hai lần thế chấp (thế chấp lần thứ nhất lúc tài sản chưa được cấp giấy CNQSDĐ và thế chấp lần thứ hai khi tài sản đã được cấp giấy CNQSDĐ) cho thấy ý chí giữa các bên đồng ý cùng thực hiện thế chấp để vay vốn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết trước đây. Hiện tại các Hợp đồng tín dụng giữa các bị đơn với Ngân hàng đã quá hạn thanh toán, tài sản thế chấp hiện Ngân hàng đang giữ nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc không đồng ý trả tiền lãi và gốc theo yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng cho rằng: Bên vay không có nhận tiền vay từ Agribank Chi nhánh B và Agribank Chi nhánh B cũng không báo nợ lãi hàng tháng cho bên vay nên bên vay không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Agribank. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ phía nguyên đơn cung cấp gồm: Hồ sơ tín dụng; hồ sơ thế chấp bảo đảm; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Giấy nhận nợ lần 1 và Giấy lĩnh tiền vay; công văn số 1073 ngày 04/7/2020 của Agribank Chi nhánh T và Bảng tổng hợp chi tiết tính gốc, lãi, thông báo nợ chậm trả, thông báo nợ quá hạn đều thể hiện bên vay còn nợ Agribank số nợ gốc; nợ lãi như nguyên đơn trình bày là đúng sự thật.

Tuy nhiên, bị đơnvà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc và lãi như yêu cầu của nguyên đơn và cho rằng chưa nhận được số tiền gốc là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. Do đó, cần buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ trả cho Agribank số nợ gốc; nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/9/2020 là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm

không đưa ông Phan Bá Hiệp vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót. HĐXX thấy rằng quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa các bị đơn và Ngân hàng, trên các tài liệu chứng cứ giao dịch giữa các bên không thể hiện việc ông Phan Bá Hiệp có tham trong các giao dịch mà các bên đang tranh chấp mà chỉ xác nhận việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất như các bên thừa nhận nhưng giao dịch chuyển nhượng này không có sự tranh chấp và các bị đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc ông Hiệp có liên quan trong các giao dịch tín dụng nói trên. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã làm việc với ông Phan Bá Hiệp tại biên bản trình bày ý kiến ngày 22/7/2020 (bút lục số 483a) nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Phan Bá Hiệp vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định của pháp luật nên lời trình bày của Luật sư không được HĐXX chấp nhận.

[4.1] Đối với lời trình bày của Luật sư về việc các bị đơn cho rằng tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn có trình bày có một số văn bản bị đơn không ký nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành giám định chữ ký để làm rõ nội dung này. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phúc thẩm bị đơn có trình bày việc bị đơn không ký vào một số văn bản của Ngân hàng nhưng bị đơn không đưa ra được tài liệu để chứng minh là văn bản nào bị đơn không ký. Bị đơn cũng xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm tất cả các văn bản liên quan đến giao dịch như hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và giấy lĩnh tiền vay…(Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa) được các bị đơn trực tiếp ký tại Ngân hàng, việc ký kết là do sự tự nguyện. Mặt khác, tại các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ cũng không thể hiện bị đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết và không có bất cứ khiếu nại nào như lời trình bày của bị đơn. Do đó yêu cầu này của Luật sư không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Đối với việc xác định tài sản chung, tài sản riêng nợ chung nợ riêng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thời kì hôn nhân. Xét thấy, bà Hoàng Thị H 1981 với ông Nguyễn Tiến A có quan hệ vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Bình Phước, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước cấp số 150, quyển số 01, ngày 07-11-2003 và ông Nguyễn Thanh H với bà Võ Thị Thu H có quan hệ vợ chồng theo Chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Bình, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước cấp số 03, quyển số 07, ngày 12-3-1997. Khi bà Hoàng Thị H 1981 và ông Nguyễn Thanh H ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay tiền mua tài sản chung của vợ chồng (tài sản là quyền SDĐ đang thế chấp tại ngân hàng các đương sự đều thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng). Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm ông Tiến Anh, bà Thu Hoài cũng xác định tài sản là quyền sử dụng đất đang thế chấp là tài sản chung của vợ chồng và đều thừa nhận chịu trách nhiệm chung đối với các giao dịch của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm buộc liên đới trả cho

ngân hàng là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó đề nghị của Luật sư không được HĐXX chấp nhận.

[4.3] Đối với việc đề nghị xác minh làm rõ nội dung địa chỉ thường trú của các bị đơn và địa chỉ trên hồ sơ tín dụng đối với địa chỉ 4/13 Văn Chung, phường 13, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị đơn cho rằng khi tham gia ký kết hợp đồng tín dụng đều trên tinh thần tự nguyện, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện bị ép buộc, trong quá trình giao dịch các bị đơn có đầy đủ năng lực hành vi và tự chịu trách nhiệm về những thông tin do mình cung cấp khi tham gia ký kết. Do đó việc cung cấp địa chỉ và những thông tin liên quan đến nhân thân là quyền và nghĩa vụ của các bên đối với nhau nên đề nghị của Luật sư đối với nội dung này cũng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu kháng cáo của các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã P.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của cácbị đơnvà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn không có cơ sở, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoài không có cơ sở, không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ các Điều 463; Điều 468; Điều 299, Điều 307 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 688 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960, ông Nguyễn Thanh H, bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu H, ông Nguyễn Tiến A .

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc và lãi suất vay tính đến ngày 10-9-2020 cụ thể như sau:

Bà Hoàng Thị H (sinh năm 1981) và ông Nguyễn Tiến A cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 3.728.585.980 đồng gồm: Nợ gốc 1.238.706.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 1.880.355.708 đồng; Nợ lãi quá hạn 609.524.272 đồng;

Ông Nguyễn Thanh H và bà Võ Thị Thu H cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 2.587.126.562 đồng gồm: Nợ gốc 861.032.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 1.310.490.704 đồng; Nợ lãi quá hạn 415.603.858 đồng;

Bà Hoàng Thị H (sinh năm 1960) có nghĩa vụ trả số tiền 2.899.435.227 đồng gồm: Nợ gốc 966.038.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 1.469.826.817 đồng; Nợ lãi quá hạn 463.570.410 đồng;

2. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T có nghĩa vụ trả lại tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của bên thế chấp khi người có nghĩa vụ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có nghĩa vụ trả nợ không thanh toán xong nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với các tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích đất 1186,5m^2 tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số: 276, tờ bản đồ số: 65 Bộ địa chính xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số bìa BL 572487, số vào sổ cấp GCN: CH05709 ngày 18/10/2012 cho bà Hoàng Thị H (sinh năm 1981). Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1901-LCP-201200366 ngày 20/04/2012.

- Quyền sử dụng diện tích đất 1.123,3m^2 tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số: 847, tờ bản đồ số: 65 Bộ địa chính xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm do Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BL 572457, số vào sổ cấp GCN: CH05718 ngày 18/10/2012 cho bà Hoàng Thị H (sinh năm 1960). Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1901-LCP-201200384 ngày 05/05/2012.

- Quyền sử dụng diện tích đất 1.001,2m^2 tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số: 841, tờ bản đồ số: 65 Bộ địa chính xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BL 572459, số vào sổ cấp GCN: CH05715 ngày 18/10/2012 cho ông Nguyễn Thanh H. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 1901-LCP-201200400 ngày 05/05/2012.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì người có nghĩa vụ trả nợ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nếu thừa thì trả lại cho người có tài sản thế chấp. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vụ án, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc của mình.

*3.**Về án phí, chi phí tố tụng**:*

*3.1 **Án phí dân sự sơ thẩm***: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể:

- Bà Hoàng Thị H (sinh năm 1981) và ông Nguyễn Tiến A phải chịu 106.571.720 đồng; Ông Nguyễn Thanh H và bà Võ Thị Thu H phải chịu 83.742.531 đồng; Bà Hoàng Thị H (sinh năm 1960) phải chịu 89.988.705 đồng.

- Nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm: 42.146.956 đồng; 49.634.774 đồng và 39.333.374 đồng tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006554; 0006552 và 0006557 ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

*3.2 **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ***: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu một phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, cụ thể:

Buộc bà Hoàng Thị H (sinh năm 1981) và ông Nguyễn Tiến A hoàn trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T số tiền 10.000.000 đồng;

Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Võ Thị Thu H hoàn trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T số tiền 10.000.000 đồng.

Buộc bà Hoàng Thị H (sinh năm 1960) hoàn trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh T số tiền 10.000.000 đồng.

3.3 Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981, bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960, ông Nguyễn Thanh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu H, ông Nguyễn Tiến A mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006968, số 0006969, số 0006970, số 0006971, số 0006972 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thị xã P;
- TAND thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga